

QUY ĐỊNH

Giao định mức giờ chuẩn đối với giảng viên và giảng viên kiêm nhiệm

Căn cứ Quy định số 09-QĐi/TW ngày 13/11/2018 của Ban Bí thư (Khóa XII) về “*chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*”;

Căn cứ Quyết định số 6468-QĐ/HVCTQG ngày 21/12/2021 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc ban hành bộ quy chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quy định số 04-QĐi/TU ngày 16/01/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh “*về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, bộ máy của Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ*”;

Căn cứ Quyết định số 2278-QĐ/TU ngày 24/8/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh về việc “*Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng tại Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ ban hành kèm theo Quyết định số 1183-QĐ/TU ngày 01/10/2018*”;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo và nghiên cứu khoa học;

Hiệu trưởng Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ ban hành Quy định giao định mức giờ chuẩn đối với giảng viên và giảng viên kiêm nhiệm, như sau:

Chương 1 QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng điều chỉnh, phạm vi áp dụng

1. Đối tượng điều chỉnh: Văn bản này quy định cụ thể nguyên tắc, trách nhiệm, định mức giao giờ chuẩn giảng dạy và nghiên cứu khoa học đối với giảng viên, giảng viên kiêm nhiệm; việc quy đổi các hoạt động chuyên môn, nghiên cứu khoa học sang giờ chuẩn đối với giảng viên, giảng viên kiêm nhiệm các khoa, phòng, trung tâm thuộc Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ.

2. Phạm vi áp dụng

2.1. Hoạt động giảng dạy và chuyên môn các lớp đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài kế hoạch Tỉnh giao. Tính theo thứ tự ưu tiên, cụ thể như sau:

- Các lớp trung cấp lý luận chính trị - hành chính, trung cấp lý luận chính trị theo kế hoạch của Tỉnh giao.

- Các lớp trung cấp lý luận chính trị - hành chính, trung cấp lý luận chính trị ngoài kế hoạch Tỉnh giao.

- Các lớp bồi dưỡng theo kế hoạch của Tỉnh giao.

- Các lớp bồi dưỡng ngoài kế hoạch của Tỉnh giao.

2.2. Không tính quy đổi sang giờ chuẩn đối với:

- Các lớp đào tạo, bồi dưỡng về ngoại ngữ, tin học và các lớp bồi dưỡng có yếu tố nước ngoài.

- Hoạt động của Hội đồng và các ban giúp việc của Hội đồng thi tốt nghiệp các lớp trung cấp lý luận chính trị - hành chính, trung cấp lý luận chính trị trong và ngoài kế hoạch đã được chi trả thù lao, bồi dưỡng.

- Các buổi giảng, báo cáo chuyên đề đã được chi trả thù lao.

2.3. Các sản phẩm nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu, đăng, phát, công bố chính thức.

2.4. Thời gian thực hiện giao định mức và tính giờ chuẩn từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 của năm.

Điều 2. Giờ chuẩn.

Giờ chuẩn được xác định là đơn vị thời gian quy đổi từ số giờ lao động cần thiết để hoàn thành một khối lượng công việc nhất định thuộc nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác.

Điều 3. Nguyên tắc

1. Việc giao giờ chuẩn phải bảo đảm đúng các qui định hiện hành, công khai, dân chủ, công bằng, dựa trên trình độ chuyên môn được đào tạo, năng lực giảng dạy, nghiên cứu khoa học của giảng viên, giảng viên kiêm nhiệm; đề cao trách nhiệm cá nhân trong việc phấn đấu hoàn thành định mức giờ chuẩn được giao.

2. Việc thanh toán vượt giờ căn cứ các quy định hiện hành, bảng quy đổi tính giờ chuẩn giảng dạy, các hoạt động chuyên môn và khả năng tài chính của Nhà trường; mức thanh toán được quy định cụ thể tại Quy chế chi tiêu nội bộ; không thanh toán vượt giờ khi trong khoa có giảng viên chưa hoàn thành định mức giờ chuẩn được giao. Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

Chương 2 QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I. VỀ ĐỊNH MỨC GIAO GIỜ CHUẨN GIẢNG DẠY

Điều 4: Giao định mức giờ chuẩn đối với giảng viên, giảng viên kiêm nhiệm như sau

1. Đối với giảng viên

1.1. Thời gian làm việc: Tổng thời gian làm việc trong năm của một giảng viên là 1.760 giờ (220 ngày x 8 giờ).

1.2. Định mức giờ chuẩn giảng dạy đối với giảng viên như sau: Giảng viên tập sự 135 giờ; giảng viên 270 giờ; giảng viên chính 290 giờ; giảng viên cao cấp 310 giờ. Trong đó, số giờ giảng bài, thảo luận, hướng dẫn ôn thi trên lớp của mỗi giảng viên tối thiểu phải bằng 50% định mức giờ chuẩn được giao.

1.3. Căn cứ vào tình hình thực tế, hằng năm Hiệu trưởng quyết định cụ thể định mức giờ chuẩn đối với từng chức danh giảng viên cho phù hợp, nhưng không cao hơn hoặc thấp hơn 15% so với khung định mức quy định tại khoản 1.2 Điều này.

1.4. Giảng viên không đủ định mức giờ chuẩn giảng dạy mà vượt định mức giờ chuẩn nghiên cứu khoa học thì được lấy số giờ chuẩn nghiên cứu khoa học vượt định mức để bù cho số giờ chuẩn giảng dạy còn thiếu để xác định mức độ hoàn thành định mức giờ chuẩn và tính thành tích thi đua, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, nhưng không được thanh toán chế độ vượt giờ.

2. Đối với giảng viên kiêm nhiệm

2.1. Giảng viên giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc kiêm nhiệm các công tác khác có nghĩa vụ thực hiện định mức giờ chuẩn, như sau:

TT	CHỨC DANH	Mức
1	Hiệu trưởng	20%
2	Phó Hiệu trưởng	25%
3	Trưởng phòng	30%
4	Phó trưởng phòng	35%
5	Trưởng khoa	80%
6	Phó trưởng khoa	85%
7	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn	60%
8	Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Chủ tịch Công đoàn	65%
9	Trưởng ban nữ công, Bí thư Đoàn TN, Tổ trưởng thanh tra ĐTBĐ, Trưởng ban thanh tra nhân dân	85%
10	Ủy viên BCH đảng bộ, Phó bí thư Đoàn TN	90%

2.2. Giảng viên giữ nhiều chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc kiêm nhiệm nhiều công tác thì chỉ thực hiện một định mức giờ chuẩn thấp nhất. Giảng viên giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo chức năng, nhiệm vụ phòng trở lên, định mức giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp tối thiểu phải bằng 20% định mức giờ chuẩn được giao.

2.3. Giảng viên được điều về công tác tại các phòng chức năng mà không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc kiêm nhiệm công tác khác thì định mức giảng dạy là 40% định mức giờ chuẩn của ngạch giảng viên đang giữ.

Điều 5: Các trường hợp được giảm định mức giờ chuẩn

- Giảng viên nữ có con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được giảm 10% định mức giờ chuẩn trong 12 tháng;
- Giảng viên được cử đi học Thạc sỹ, Tiến sỹ, Cao cấp Lý luận chính trị, Trung cấp Lý luận chính trị - hành chính hệ không tập trung được giảm 30% định mức giờ chuẩn trong 12 tháng.
- Ngoài ra, những trường hợp sau đây được giảm giờ chuẩn theo tỷ lệ thời gian làm việc thực tế:
 - + Nghỉ chế độ thai sản theo quy định, nghỉ ốm hưởng chế độ BHXH;
 - + Tham gia các lớp đào tạo hệ tập trung;
 - + Tham gia các lớp bồi dưỡng liên tục từ 02 tuần trở lên;
 - + Giảng viên đã hoàn thành nghĩa vụ nghiên cứu thực tế 15 ngày được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh trưng dụng hoặc các ban, sở, ngành trưng dụng tổng thời gian từ 2 tuần trở lên.
- Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

Điều 6: Cách tính giờ chuẩn giảng dạy và các hoạt động chuyên môn (*số phụ biểu kèm theo*).

II. GIỜ CHUẨN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 7. Định mức giao giờ chuẩn nghiên cứu khoa học đối với giảng viên, giảng viên kiêm nhiệm

1. Đối với giảng viên

1.1. Định mức giờ chuẩn NCKH đối với giảng viên như sau: Giảng viên tập sự 80 giờ chuẩn; giảng viên 270 giờ chuẩn; giảng viên chính 290 giờ chuẩn; giảng viên cao cấp 310 giờ chuẩn.

1.2. Giảng viên không đủ định mức giờ chuẩn nghiên cứu khoa học mà giảng dạy vượt định mức thì được lấy số giờ chuẩn giảng dạy vượt định mức bù cho số giờ chuẩn nghiên cứu khoa học còn thiếu để tính mức độ hoàn thành định mức giờ chuẩn và tính thành tích thi đua.

2. Đối với giảng viên kiêm nhiệm

2.1. Giảng viên giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc kiêm nhiệm các công tác khác có nghĩa vụ thực hiện định mức giờ chuẩn NCKH như sau:

TT	CHỨC DANH	Mức
1	Hiệu trưởng	25%
2	Phó Hiệu trưởng	35%
3	Trưởng phòng	40%
4	Phó trưởng phòng	45%

TT	CHỨC DANH	Mức
5	Trưởng khoa	75%
6	Phó trưởng khoa	80%
7	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn	75%
8	Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Chủ tịch Công đoàn	80%
9	Trưởng ban nữ công, Bí thư Đoàn TN, Tổ trưởng thanh tra ĐTBĐ, Trưởng ban thanh tra nhân dân	85%
10	Ủy viên BCH đảng bộ, Phó bí thư Đoàn TN	90%

2.2. Giảng viên nếu giữ nhiều chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc kiêm nhiệm nhiều công tác thì chỉ thực hiện một định mức giờ chuẩn thấp nhất.

2.3. Giảng viên được điều về công tác tại các phòng chức năng mà không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc kiêm nhiệm công tác khác thì định mức giảng dạy là 40% định mức giờ chuẩn của ngạch giảng viên đang giữ.

Điều 8. Các đề tài khoa học, bài báo, báo cáo, sáng kiến kinh nghiệm (gọi chung là hoạt động, sản phẩm khoa học) triển khai đúng tiến độ và nghiệm thu đạt yêu cầu trở lên được quy đổi ra giờ chuẩn. *Cụ thể:*

TT	TÊN HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM KHOA HỌC	Quy đổi
I.	Các đề tài nghiên cứu khoa học và biên soạn giáo trình, tập bài giảng, sách chuyên khảo	
1	Chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước	600 giờ chuẩn /01 đề tài
2	Chủ nhiệm đề tài, đề án cấp bộ, cấp tỉnh	500 giờ chuẩn /01 đề tài
3	Chủ nhiệm đề tài, đề án cấp cơ sở (trường)	200 giờ chuẩn/01 đề tài
4	Chủ nhiệm đề tài cấp khoa	100 giờ chuẩn /01 đề tài
5	Thành viên tham gia đề tài nghiên cứu khoa học, đề án các cấp	- Thư ký: Bằng 30% mức giờ của chủ nhiệm. - Thành viên: 70% mức giờ của chủ nhiệm cùng cấp chia đều cho các thành viên tham gia (tổng hợp là số lẻ thì làm tròn theo quy định).
6	Tham gia biên soạn giáo trình	100 giờ/ bài hoặc chuyên đề
7	Biên soạn tài liệu, tập bài giảng, sách chuyên khảo, sách tham khảo, lịch sử nhà trường, địa phương được nghiệm thu và xuất bản, đưa vào	- Chủ biên: 300 giờ chuẩn/01 công trình (nếu đồng chủ biên thì chia

TT	TÊN HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM KHOA HỌC	Quy đổi
	sử dụng trong trường	đều). - Thư ký biên tập: Bằng 30% mức giờ chuẩn của chủ biên; - Thành viên: 80 giờ chuẩn/ 01 bài hoặc chuyên đề.
II.	Bài báo, kỹ yếu, báo cáo, sáng kiến kinh nghiệm, nghiên cứu	
8	Bài báo khoa học công bố trên tạp chí khoa học quốc tế có mã số ISI hoặc Scopus	300 giờ chuẩn/bài
9	Bài công bố trên kỹ yếu hội thảo khoa học quốc tế có mã số ISI hoặc Scopus	150 giờ chuẩn/ bài
10	Bài báo khoa học công bố trên tạp chí khoa học có mã số ISSN, kỹ yếu Hội thảo khoa học cấp quốc gia được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước tính 1,0 điểm (nếu đăng trên tạp chí điện tử thì được tính 50% giờ chuẩn/01 bài).	100 giờ chuẩn/bài
11	Bài báo khoa học công bố trên tạp chí khoa học có mã số ISSN được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước tính dưới 1,0 điểm. Nếu đăng trên tạp chí điện tử thì được tính 50% giờ chuẩn/ 01 bài.	90 giờ chuẩn/bài (nếu đăng trên tạp chí điện tử thì được tính 45 giờ/ bài).
12	Sáng kiến kinh nghiệm phục vụ công tác quản lý, phục vụ được Hội đồng khoa học thông qua đưa vào áp dụng trong Nhà trường	70 giờ chuẩn/ 01 sáng kiến
13	<ul style="list-style-type: none"> - Bài báo khoa học: + Công bố trên tạp chí khoa học có mã số ISSN nhưng không được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước tính điểm; + Đăng trên Bản tin thông tin công tác trường chính trị; + Công bố trên báo Trung ương. + Công bố trên kỹ yếu Hội thảo khoa học cấp cơ sở; - Bài nhận xét thẩm định sau nghiệm thu (hoặc trước khi xuất bản) của đề án, chương trình, đề tài cấp tỉnh, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng; 	60 giờ chuẩn/01 bài

TT	TÊN HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM KHOA HỌC	Quy đổi
14	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả khảo sát thực tế phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn; - Báo cáo kiến nghị được chất lọc từ kết quả nghiên cứu khoa học; - Báo cáo kết quả điều tra, kết quả nghiên cứu thực tế phục vụ giảng dạy, học tập, đề án khoa học, nghiên cứu đề tài được Hội đồng khoa học thẩm định và sử dụng trong nhà trường. 	50 giờ chuẩn/ 01 sản phẩm
15	<ul style="list-style-type: none"> - Bài báo khoa học đăng trên báo điện tử của Tỉnh; trang thông tin điện tử của Tỉnh, của Trường; - Bài nhận xét của Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu đề tài cấp bộ, cấp tỉnh; - Bài nhận xét của ủy viên hội đồng nghiệm thu đề tài cấp bộ; bài nhận xét, phản biện của hội đồng nghiệm thu đề tài cấp tỉnh; bài nhận xét của chủ tịch hội đồng nghiệm thu đề tài cấp trường; 	40 giờ chuẩn/01 bài
16	<p>Bài nhận xét của ủy viên hội đồng nghiệm thu đề tài cấp trường; bài nhận xét, phản biện của hội đồng nghiệm thu đề tài cấp trường; bài nhận xét của chủ tịch hội đồng nghiệm thu đề tài cấp khoa.</p>	30 giờ chuẩn/01 bài
17	<p>Bài nhận xét của ủy viên hội đồng nghiệm thu đề tài cấp khoa; bài nhận xét, phản biện của hội đồng nghiệm thu đề tài cấp khoa.</p>	20 giờ chuẩn/01 bài
18	<p>Bài nhận xét của ủy viên hội đồng nghiệm thu đề tài cấp khoa.</p>	10 giờ chuẩn/01 bài
19	<p>Biên tập bài đăng tạp chí Bản tin Thông tin lý luận thực tiễn, bài nghiên cứu trong trang thông tin điện tử; biên tập bài hội thảo khoa học của nhà trường.</p>	20% giờ quy đổi của công trình biên tập
III.	Hoạt động của ban biên tập, hội nghị nghiệm thu và hoạt động của các hội đồng	
1	Ban biên tập Thông tin Lý luận và thực tiễn	
1.1	- Trưởng ban;	10 giờ chuẩn/1 số

TT	TÊN HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM KHOA HỌC	Quy đổi
	- Phó trưởng ban; thư ký	8 giờ chuẩn/1 số
1.2	- Thành viên duyệt bài	4 giờ chuẩn/1 bài
2	Các hội đồng: Thẩm định giao nhiệm vụ, phê duyệt thuyết minh, nghiệm thu đề tài khoa học cấp trường; biên soạn giáo trình, tập bài giảng, sáng kiến kinh nghiệm; duyệt giảng	
2.1	- Chủ tịch hội đồng	5 giờ chuẩn/ 1 HĐ/ buổi
2.2	- Phó Chủ tịch hội đồng, thư ký, các thành viên hội đồng; 01 giảng viên hướng dẫn giảng viên duyệt giảng	4 giờ chuẩn/1 HĐ/ buổi
2.3	- Giảng viên tham dự đầy đủ buổi duyệt giảng và có trách nhiệm đóng góp ý kiến xây dựng bài	2 giờ chuẩn/1 HĐ/ buổi
2.4	- Đối với hội đồng cấp khoa được quy đổi bằng 1/2 mức giờ chuẩn của hội đồng cấp trường.	
IV	Tổ chức hội nghị sinh hoạt chính trị; hội thi báo cáo viên giỏi; hội thi học viên học giỏi lý luận chính trị; hội thảo khoa học:	
1	Trưởng ban tổ chức sinh hoạt chính trị; hội thi, hội thảo cấp tỉnh	12 giờ chuẩn/buổi
2	Phó trưởng ban tổ chức, thành viên ban tổ chức cấp tỉnh	9 giờ chuẩn/buổi
3	Xây dựng tình huống và hướng dẫn chấm phần trả lời tình huống trong hội thi cấp tỉnh	6 giờ chuẩn/1 đề
4	Các bài viết tham luận tại hội nghị, hội thi, hội thảo cấp tỉnh	12 giờ chuẩn /1 bài
5	Xây dựng câu hỏi và đáp án trả lời câu hỏi trắc nghiệm trong hội thi cấp tỉnh	0,75 giờ chuẩn/1 câu
6	Hướng dẫn thí sinh tham gia các hội thi chuẩn bị bài thuyết trình cấp tỉnh (Theo quyết định phân công)	12 giờ chuẩn/1 bài

Ghi chú: Nếu một công trình nghiên cứu được công bố trên các tạp chí khoa học khác nhau; trình bày tại các hội nghị, hội thảo khác nhau...thì chỉ được tính một lần theo giờ chuẩn cao nhất (không cộng dồn).

III. CHI TRẢ VƯỢT ĐỊNH MỨC GIỜ CHUẨN

Điều 9. Giảng viên, giảng viên kiêm nhiệm thực hiện vượt định mức giờ chuẩn được chi trả giờ vượt, trường hợp không hoàn thành định mức thì bị trừ lương, phụ cấp theo quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ.

Chương 3

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của giảng viên, giảng viên kiêm nhiệm

Mỗi giảng viên, giảng viên kiêm nhiệm có trách nhiệm tự bồi dưỡng, nâng cao năng lực giảng dạy, nghiên cứu đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ theo quy định của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, của Tỉnh ủy Quảng Ninh và theo Quy chế làm việc của Nhà trường.

Hằng năm, chủ động xây dựng kế hoạch cá nhân thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động chuyên môn để hoàn thành định mức giờ chuẩn được giao.

Giảng viên, giảng viên kiêm nhiệm nếu có 02 năm liên tục không hoàn thành định mức giờ chuẩn được giao do lỗi chủ quan của cá nhân sẽ được xem xét điều chuyển công tác khác phù hợp.

Điều 11. Trách nhiệm của các khoa, phòng

1. Các khoa

- Chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ chuyên môn; có trách nhiệm bồi dưỡng chuyên môn cho giảng viên, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ, giảng dạy, nghiên cứu theo quy định. Đồng thời tạo điều kiện để giảng viên, giảng viên kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, giảng dạy, nghiên cứu để hoàn thành định mức giờ chuẩn được giao;

- Định kỳ hằng quý (trước ngày 28 tháng cuối của Quý) lập bảng kê kết quả thực hiện giờ chuẩn của giảng viên, giảng viên kiêm nhiệm khoa mình theo số đầu bài chuyển Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học tổng hợp, để báo cáo Phó hiệu trưởng phụ trách làm cơ sở thanh toán cuối năm.

- Kết thúc năm công tác (trước 15/12 hằng năm), các khoa lập bảng kê những trường hợp được giảm định mức giờ chuẩn trong năm chuyển Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học đối chiếu, tổng hợp chuyển cho bộ phận kế toán thẩm định, thanh toán.

2. Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học

- Hằng năm, tham mưu Hiệu trưởng ra quyết định giao định mức giờ chuẩn để từng giảng viên, giảng viên kiêm nhiệm làm căn cứ xây dựng kế hoạch cá nhân tham gia giảng dạy, hoạt động chuyên môn và nghiên cứu khoa học;

- Hằng quý, chủ trì phối hợp với Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu thẩm định và xác nhận bảng kê kết quả thực hiện giờ chuẩn quy định tại Khoản 1, Điều 11 Quy định này.

3. Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu

- Phối hợp chặt chẽ với các Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học và các khoa theo dõi, tổng hợp, xác nhận kết quả thực hiện định mức giờ chuẩn của giảng viên, giảng viên kiêm nhiệm theo hằng quý.

- Kết thúc kế hoạch năm, chủ trì phối hợp với Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học tham mưu quyết định phê duyệt kết quả thực hiện khối lượng giờ chuẩn của từng giảng viên, giảng viên kiêm nhiệm sau khi đã hoàn thành kế hoạch năm.

- Từ quy định này sửa đổi quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp.

Điều 12. Quy định này có hiệu lực áp dụng đối với các lớp khai giảng và các công trình, sản phẩm khoa học, đề án được nghiệm thu từ tháng từ tháng 01/2022. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, các khoa, phòng, trung tâm phản ánh về Ban Giám hiệu để xem xét.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy,
- Học viện CTQG Hồ Chí Minh,
- Vụ QL khoa học, Vụ các TCT, } (b/c),
- BGH (để chỉ đạo),
- Các khoa, phòng, trung tâm (t/h),
- Lưu: Phòng QLĐT & NCKH, VT.

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Kiên